BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hanh phúc
----------o0o----------

KẾT QUẢ THI HẾT MÔN HỆ TẠI CHỨC

Môn học: KOR307 Từ vựng tiếng Hàn; Ngày thi: 28/3/2017

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm	Ghi chú
1	1237070003	Phạm Văn Căn	21/01/1987	1TCH-13	5.0	
2	1337070001	Đào Tuấn Anh	10/10/1992	1TCH-13	**0.0**	
3	1337070004	Nguyễn Thị Dinh	14/06/1995	1TCH-13	8.0	
4	1337070007	Trịnh Thị Thu Hà	07/12/1980	1TCH-13	7.0	
5	1337070008	Phạm Văn Hanh	08/08/1983	1TCH-13	6.5	
6	1337070012	Nguyễn Thị Hiền	25/07/1995	1TCH-13	8.0	
7	1337070015	Lưu Thị Huệ	02/10/1979	1TCH-13	5.5	
8	1337070017	Hà Văn Hùng	10/04/1986	1TCH-13	6.5	
9	1337070018	Dương Thị Lan	06/02/1987	1TCH-13	5.0	
10	1337070019	Phan Thị Hương Lan	08/04/1991	1TCH-13	5.0	
11	1337070022	Nguyễn Thị Nga	10/05/1994	1TCH-13	7.5	
12	1337070023	Trần Thị Kim Quy	25/11/1979	1TCH-13	6.0	
13	1337070032	Nguyễn Minh Tú	07/09/1991	1TCH-13	5.0	
14	1337070033	Doãn Văn Tuấn	07/02/1978	1TCH-13	7.0	
15	1137070035	Vũ Thị Thuận	10/10/1992	1TCH-14	6.0	
16	1337070034	Nguyễn Văn Việt	14/03/1994	1TCH-14	7.5	
17	1437070002	Vũ Thị Lan Anh	25/12/1991	1TCH-14	6.0	
18	1437070009	Vũ Thị Thu Hà	15/09/1988	1TCH-14	**K**	
19	1437070011	Phạm Thị Hoa	03/06/1994	1TCH-14	8.5	
20	1437070014	Bùi Mai Hương	13/03/1996	1TCH-14	8.5	
21	1437070019	Trần Duy Linh	11/11/1996	1TCH-14	7.0	
22	1437070023	Nguyễn Thị Ngoãn	14/02/1982	1TCH-14	5.0	
23	1437070024	Lê Văn Nhật	26/06/1988	1TCH-14	6.0	
24	1437070025	Phạm Kiều Oanh	11/05/1995	1TCH-14	7.0	
25	1437070026	Chu Y Phương	21/12/1989	1TCH-14	6.5	
26	1437070031	Nguyễn Thị Thảo	15/02/1992	1TCH-14	7.5	
27	1437070042	Nguyễn Thị Trang	21/12/1987	1TCH-14	6.5	
28	1437070044	Nguyễn Thanh Tú	03/02/1983	1TCH-14	**K**	
29	1437070049	Cao Thị Quỳnh Xinh	05/10/1989	1TCH-14	**K**	
30	1437070050	Vũ Thị Xuân	16/02/1991	1TCH-14	6.5	

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

TRỢ LÝ GIÁO VỤ

Lương Thị Thu Ngân

TRƯỞNG KHOA

Phạm Thị Ngọc